

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở TỈNH QUẢNG NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

● VÕ THIÊN CHÍN

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này đã phân tích thực trạng phát triển về số lượng, quy mô, liên kết phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cũng như kết quả sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại tỉnh Quảng Nam thời gian qua. Đồng thời, nghiên cứu đã đặt ra những vấn đề, như: Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, tham gia vào mắt xích quan trọng của chuỗi sản xuất toàn cầu, giải quyết vấn đề vốn và nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm... để làm cơ sở xây dựng những giải pháp.

Từ khóa: Tỉnh Quảng Nam, thực trạng phát triển, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1. Đặt vấn đề

Tính đến ngày 31/12/2016, tỉnh Quảng Nam có khoảng 5.300 doanh nghiệp. Trong đó các DNNVV, siêu nhỏ chiếm tỷ lệ lớn khoảng 98% và phân bố tập trung chủ yếu ở các đô thị và các huyện đồng bằng [3]. Các doanh nghiệp này đã có những đóng góp lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Tuy nhiên, hoạt động của các DNNVV gặp nhiều khó khăn về: vốn; nhân lực; thị trường tiêu thụ sản phẩm; sản xuất mang tính riêng lẻ và thiếu tính liên kết, hợp tác để tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm, dịch vụ; số lượng DNNVV rút lui khỏi thị trường hàng năm khá lớn;... Việc khắc phục những khó khăn để cho các DNNVV phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Nam. Để làm được những điều đó, cần phải có một nghiên cứu tổng thể về thực trạng phát triển của các DNNVV; đánh giá những thuận lợi, khó khăn và đặt ra những vấn đề để làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng giải

pháp phát triển DNNVV cho những năm tiếp theo là việc làm cần thiết.

2. Thực trạng phát triển DNNVV ở tỉnh Quảng Nam

2.1. Thực trạng phát triển về số lượng DNNVV

Theo Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam [1], tính đến ngày 31/12/2014, số DN trên địa bàn tỉnh Quảng Nam thực tế đang hoạt động là 3.359 DN tăng 1,5 lần 2010, bình quân giai đoạn tăng 15,28% tăng thấp hơn nhiều so với bình quân giai đoạn 2006 - 2010, 25,53%.

Theo loại hình, DN ngoài nhà nước thời điểm ngày 31/12/2014 có 3.277 DN, chiếm 97,56% trong tổng số DN, tăng 1,5 lần năm 2010, bình quân giai đoạn 2010 - 2014 tăng 15,8% (giai đoạn 2006 - 2010 tăng 26,7%); tiếp đến DN FDI tăng 1,5 lần 2010 bình quân mỗi năm tăng 12,84% (giai đoạn 2006 - 2010, tăng 23,85%); DN Nhà nước giảm so với năm 2010 giảm 42%, bình quân giảm 15,9% (giai đoạn 2006 - 2010 giảm 4,66%), kết quả trên đạt được là do quá trình đổi mới và sắp xếp lại DN

Nhà nước, tuy nhiên kết quả trên vẫn còn chậm so với kế hoạch.

Theo ngành kinh tế, DN thuộc khối thương mại - dịch vụ chiếm số lượng lớn nhất, tại thời điểm 31/12/2014 có 1.868 DN, chiếm 55,61% trong tổng số DN, tăng 1,5 lần năm 2010, bình quân giai đoạn 2010 - 2014 tăng 16,3% (giai đoạn 2006 - 2010 tăng 25,4%); tiếp đến DN ngành Công nghiệp - Xây dựng có 1.405 DN, chiếm 41,8%, tăng 1,5 lần 2010, bình quân mỗi năm tăng 15,37% (giai đoạn 2006 - 2010 tăng 23,66%). [1]

Ít nhất là DN thuộc ngành Nông - Lâm - Thủy sản có 86 DN, chiếm 2,6% trong tổng DN, giảm 6,52% so 2010. Tiềm năng phát triển của ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản của Quảng Nam là rất lớn, khu vực nông thôn có nhiều thuận lợi để phát triển các loại hình DN, song sự phát triển DN trong khu vực này còn rất nhỏ bé, manh mún, không tương xứng với tiềm năng, lợi thế sẵn có [1]. Bức tranh về số lượng DNNVV phân theo ngành kinh tế thể hiện qua Biểu đồ 2.1.

Theo Sở Kế hoạch và đầu tư (tỉnh Quảng Nam) trong 5 năm, từ 2012 - 2016, tổng số DN thành lập mới 3.807 DN; tốc độ tăng bình quân hàng năm là 18,5%, tương ứng mỗi năm bình quân có 761 DN. Riêng trong 3 năm, từ 2014-2016, khi Luật DN

năm 2014 được ban hành nên số lượng DN thành lập mới có tốc độ tăng khá cao; tốc độ tăng bình quân hàng năm trong giai đoạn này là 24,8%. Tương ứng mỗi năm có 872 DN thành lập mới. Tính đến thời điểm cuối năm 2016, tổng số DN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 5.300 DN [3].

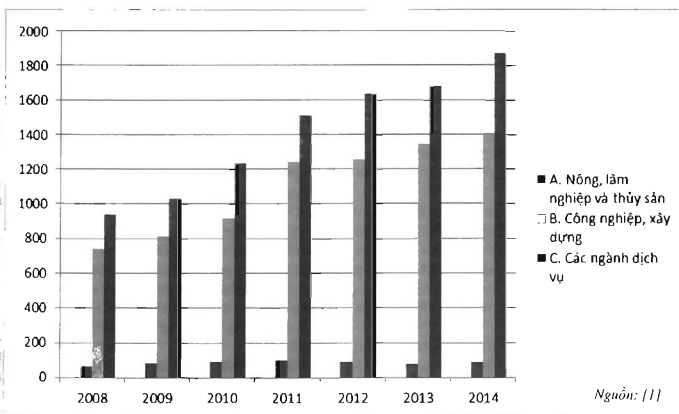
2.2. Thực trạng về quy mô DNNVV tại tỉnh Quảng Nam

2.2.1. Quy mô DN xét theo lao động

Bảng 2.1 cho ta thấy: Xét theo quy mô lao động, tính đến ngày 31/12/2014, toàn tỉnh có 3.359 DN; số DN dưới 50 lao động còn lớn, chiếm tới 90,65%, cơ cấu hàng năm càng tăng lên chủ yếu là ở các ngành Thương nghiệp và Dịch vụ; DN từ 50 lao động đến dưới 500 lao động, về cơ cấu có chiều hướng giảm dần qua các năm, đến năm 2014 còn 8,22% và chỉ có 38 DN có qui mô từ 500 lao động trở lên, chiếm 1,13% trong tổng DN, chủ yếu là DN Nhà nước và DN FDI; Những ngành thu hút lao động nhiều là các ngành Công nghiệp khai khoáng, Công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành Xây dựng [1].

Lao động trong toàn bộ DN thời điểm ngày 31/12/2014 có 116,7 nghìn người, gấp 1,33 lần năm 2010, bình quân mỗi năm thu hút thêm 7,42% lao động tương ứng mỗi năm trên 18 nghìn người (Giai đoạn 2006 - 2010, 13,77%).

Biểu đồ 2.1: Số lượng DNNVV phân theo ngành kinh tế



Bảng 2.1. Quy mô DN xét theo lao động qua các năm

Năm	Tổng số	Cơ cấu (%)		
		Số DN dưới 50 lao động	Số DN từ 50 đến dưới 500 lao động	Số DN có từ 500 lao động trở lên
2006	100.00	81.42	16.48	2.10
2010	100.00	88.60	9.98	1.43
2014	100.00	90.65	8.22	1.13

Nguồn: [1]

Bảng 2.2. Quy mô DN xét theo nguồn vốn kinh doanh

Năm	Tổng số	Cơ cấu (%)		
		Số DN nhỏ (dưới 10 tỷ đồng)	Số DN vừa (từ 10 tỷ đến dưới 500 tỷ đồng)	Số DN lớn (từ 500 tỷ đồng trở lên)
2006	100	87.61	12.06	0.33
2010	100	87.66	11.71	0.62
2014	100	85.00	14.29	0.71

Nguồn: [1]

Theo Sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam đến cuối năm 2016, số lao động thường xuyên làm việc trong các DNNVV khoảng 200.000 người [3].

2.2.2. Quy mô DN xét theo nguồn vốn kinh doanh [1]

Quy mô DN xét theo nguồn vốn kinh doanh được thể hiện trong Bảng 2.2.

Bảng 2.2 cho ta thấy: Xét theo quy mô nguồn vốn kinh doanh, tính đến ngày 31/12/2014 toàn tỉnh có 3.359; số DN có qui mô nguồn vốn kinh doanh dưới 10 tỷ đồng, chiếm 85,%; DN có qui mô nguồn vốn kinh doanh từ 10 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng có 480 DN chiếm 14,29% và có 24 DN có qui mô vốn từ 500 tỷ đồng trở lên chiếm 0,71% trong tổng DN.

Vốn huy động vào khu vực DN thời điểm ngày 31/12/2014 đạt 64.578 tỷ đồng, gấp 1,79 lần năm 2010, bình quân giai đoạn 2010 - 2014 mỗi năm thu hút thêm 21% vốn vào hoạt động SXKD, trong đó vốn huy động từ chủ sở hữu tăng gần 2 lần năm 2010 và bình quân mỗi năm thu hút từ nguồn vốn chủ sở hữu thêm 24,7%.

Theo Sơ Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam, số vốn đăng ký đưa vào thị trường 3.981 tỷ đồng/năm. Riêng trong 3 năm, từ năm 2014-2016, khi Luật Doanh nghiệp năm 2014 được ban hành

và tình đã quyết liệt hơn trong chỉ đạo nên số lượng DN thành lập mới có tốc độ tăng khá cao, tốc độ tăng bình quân hàng năm trong giai đoạn này là 24,8%, tương ứng mỗi năm có 872 DN thành lập mới, với số vốn đăng ký đưa vào thị trường 3.985 tỷ đồng/năm [3].

2.3. Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của các DNNVV tại Quảng Nam

Thực tế trong thời gian qua các DNNVV chưa quan tâm nhiều đến việc liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Phần lớn các chủ DNNVV còn quan niệm rằng, việc liên kết sản xuất chỉ có ở các DN lớn với nhau. Đây là sự hạn chế trong nhận thức của các chủ DNNVV, việc liên kết sản xuất của các DNNVV tại tỉnh Quảng Nam trong thời gian qua chưa phát triển. Vấn đề liên kết sản xuất giữa các DNNVV với nhau: giữa DNNVV với các nông, lâm trường, hợp tác xã; giữa các DNNVV với DN lớn chưa được các chủ DN quan tâm đúng mức. Việc liên kết của các DNNVV để tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế nên rất khó khăn trong việc tìm đầu ra của sản phẩm.

2.4. Kết quả sản xuất của DNNVV tại tỉnh Quảng Nam

Tính đến thời điểm cuối năm 2016, tổng số DN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 5.300 DN với số lao động thường xuyên làm việc khoảng

200.000 người. Có khoảng 80% DN hoạt động có lãi; trong đó có nhiều DN lợi nhuận liên tục gia tăng, qui mô được mở rộng, khẳng định được vị thế trên thương trường và góp phần quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, đóng góp nguồn thu lớn cho ngân sách,... Trong giai đoạn từ năm 2012-2016, khối DN đóng góp phần lớn nguồn thu cho NSNN trên địa bàn tỉnh; tổng thu NSNN từ khối DNNVV (không kể XNK) là 30.516 tỷ đồng, chiếm 79,6% số thu nội địa; bình quân mỗi năm đóng góp 6.103 tỷ đồng và tốc độ tăng trưởng 41%/năm. Riêng trong 3 năm, từ năm 2014-2016, tổng thu NSNN từ khối DN là 23.937 tỷ đồng, chiếm 80,8% số thu nội địa; bình quân mỗi năm đóng góp 7.979 tỷ đồng và tốc độ tăng trưởng 55,8%/năm [3].

Giai đoạn từ năm 2012-2016, bình quân mỗi năm DNNVV đóng góp 1.559 tỷ đồng NSNN và tốc độ tăng trưởng bình quân 19,3%/năm. Tính riêng 3 năm, từ năm 2014-2016, DNNVV đóng góp NSNN là 1.765 tỷ đồng/năm đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 18%/năm [3].

3. Đánh giá chung và những vấn đề đặt ra

3.1. Những thành tựu

Một là, DNNVV tỉnh Quảng Nam đã đóng góp về giá trị sản xuất của các ngành vào tăng trưởng GDP của Tỉnh ngày càng cao, góp phần thay đổi nhiều mặt về KT - XH trong tiến trình CNH, HĐH.

Hai là, số lượng DNNVV tăng nhanh ở các ngành kinh tế đã huy động một nguồn vốn đáng kể trong nhân dân, giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động.

Ba là, thu nhập của người lao động trong DNNVV cao hơn nhiều so với cơ sở SXKD cá thể và hộ gia đình.

Bốn là, DNNVV tỉnh Quảng Nam phát triển đã tạo ra khối lượng hàng hóa và dịch vụ ngày càng lớn, phong phú, đa dạng với chất lượng tốt hơn, góp phần qua trọng cải thiện và nâng cao mức tiêu dùng và tăng xuất khẩu.

Năm là, DNNVV là khu vực tạo ra nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước của Tỉnh, để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển các hoạt động xã hội như: y tế, giáo dục, giảm nghèo,...

Sáu là, phát triển DNNVV cũng góp phần làm giảm đáng kể tệ nạn xã hội trong Tỉnh.

3.2. Những hạn chế

- Các DNNVV hoạt động mang tính riêng lẻ thiếu liên kết, hợp tác. Các DN hoạt động mang tính riêng lẻ và hầu như khá độc lập; tính liên kết,

hợp tác để tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm, dịch vụ rất hạn chế. Khả năng kết nối giữa DN lớn với DNNVV còn hạn chế.

- Số vốn đăng ký đưa vào thị trường của một DN thấp. Số vốn đăng ký đưa vào thị trường của một DNNVV thấp, bình quân giai đoạn 2012 - 2016 chỉ 5,2 tỷ đồng/DN. Khả năng và tốc độ mở rộng qui mô của DNNVV sau khởi nghiệp khá hạn chế. Hiệu quả hoạt động chưa cao, mức đóng góp cho NSNN của đa số các DNNVV thấp, bình quân một DNNVV đóng góp cho NSNN của giai đoạn 2012 - 2016 là 0,46 tỷ đồng/năm (không tính Công ty Ô tô Trường Hải) [3].

- Về hình thức khởi nghiệp DN. Đa số các DN khởi nghiệp, đơn thuần chỉ xuất phát từ việc thành lập một pháp nhân, một loại hình DN để SXKD. Và hầu như chưa có DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, tức là khởi nghiệp trên cơ sở kỳ vọng vào sự tăng trưởng nhanh nhờ vào công nghệ hoặc các sáng tạo mang tính đột phá.

- Số DNNVV rút lui khỏi thị trường hàng năm khá lớn. Giai đoạn 2012-2016, số DNNVV rời khỏi thị trường (gồm giải thể, thu hồi do bỏ địa chỉ kinh doanh hoặc vi phạm pháp luật, ngừng hoạt động) là 2.927 DN, bình quân 585 DN/năm, chiếm 12,8% so với số DN đang hoạt động của năm trước; (tính riêng trong 3 năm từ 2014-2016, số DN rời khỏi thị trường thấp hơn, bình quân 461 DN/năm, chiếm 10,7% số DN đang hoạt động của năm trước. Nếu xét riêng năm 2016, số DN rời khỏi thị trường giảm nhiều so với các năm trước, có 379 DN, chiếm tỷ lệ 8,2% so với số DN đang hoạt động năm 2015 [3].

- Tính bền vững và hàm lượng khoa học trong sản phẩm chưa cao. Các DNNVV chuyên gia công, lắp ráp chưa làm chủ về nguyên liệu, sản xuất phụ kiện. Hàm lượng chế biến trong công nghiệp chưa cao, ít sản phẩm tinh chế và có chất lượng cao.

- Khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm. Việc tiếp cận thị trường, giải quyết đầu ra sản phẩm là một thách thức rất lớn đối với DNNVV ở Quảng Nam, bởi lẽ thị trường ở khu vực miền Trung nhỏ, thu nhập của người dân thấp, sức mua yếu.

- Trình độ của chủ DNNVV còn hạn chế. Kết quả điều tra 300 DN của tác giả cho thấy đội ngũ quản lý DN trên địa bàn tỉnh phần lớn chưa qua lớp đào tạo khởi nghiệp, thiếu kiến thức về pháp luật trong nước và quốc tế, yếu về ngoại ngữ và tin học. Trong khi đó hệ thống tư vấn hỗ trợ DN, các chuyên gia về kinh tế, pháp luật... còn thiếu

và chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Các DNNVV khó khăn trong việc tuyển dụng nhân lực. Số lao động qua đào tạo còn thấp, số còn lại chủ yếu là lao động phổ thông. Trong khi đó, công nhân có tay nghề ở các tỉnh miền Trung nói chung, tỉnh Quảng Nam nói riêng phần lớn di chuyển vào các thành phố lớn để tìm kiếm cơ hội việc làm vì thu nhập cao hơn.

3.3. Những vấn đề đặt ra để phát triển DNNVV tỉnh Quảng Nam

- Các DNNVV vẫn chưa tham gia vào mắt xích quan trọng của chuỗi sản xuất toàn cầu: Vấn đề đặt ra cho các nhà hoạch định chính sách là chỉ khi có nền công nghiệp phụ trợ mạnh mới nâng cao được khả năng của các DNNVV tham gia vào các chuỗi sản xuất toàn cầu và nằm ở những mắt xích quan trọng trong chuỗi đó, lúc đó DNNVV của chúng ta mới thực sự phát triển bền vững.

- Các chủ DNNVV tỉnh Quảng Nam phải biết và hiểu sâu về hội nhập AEC, WTO, CPTTP để vượt qua thách thức, biến thách thức thành cơ hội. Vấn đề tiên quyết đặt ra là các DNNVV cần phải biết rõ và hiểu sâu về hội nhập. Hội nhập tự thân nó tạo ra cơ hội và thách thức. Có như vậy, mới tận dụng được cơ hội và lường trước được những thách thức để vững bước đi lên.

- Các DNNVV tỉnh Quảng Nam phải có khả năng sản xuất hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn "ba dù": Dù lớn về số lượng, đủ tốt về chất lượng và đủ độ tin cậy về nhãn hiệu hàng hóa - dịch vụ cũng như thương hiệu DN.

- Các DNNVV nên tập trung phát triển mạnh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, đặc biệt là Du lịch: Phát triển các ngành dịch vụ không những góp phần nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu kinh tế mà còn thể hiện sự phát triển của nền kinh tế. Ngành Du lịch tỉnh Quảng Nam với 2 Di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn và Hội An cùng với nhiều bãi biển đẹp là một lợi thế lớn.

- Giải quyết vấn đề vốn: Vấn đề đặt ra đối với các cơ quan hữu quan tỉnh Quảng Nam là làm thế

nào để vốn đến tay các DNNVV? Bảo đảm vốn cho các DNNVV vay hoạt động, đồng thời giám sát việc quản lý và sử dụng vốn vay có hiệu quả để khỏi thất thoát vốn là việc cần thiết phải làm.

- Đào tạo để cung ứng nguồn nhân lực cho DNNVV: Các cơ sở đào tạo đảm bảo cung cấp những lao động đáp ứng nhu cầu của DNNVV là điều lý tưởng nhất và ngược lại các DNNVV sẽ đóng vai trò là những nhà cung cấp thông tin để các cơ sở đào tạo nắm được nhu cầu lao động mà thị trường lao động cần.

- Các DNNVV phải nhanh chóng đổi mới công nghệ: Với áp lực cạnh tranh trong hội nhập AEC, WTO, CPTTP các DNNVV phải nhanh chóng đổi mới công nghệ, nếu không muốn thất bại.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của các DNNVV: Vấn đề đặt ra là làm thế nào để có thị trường tiêu thụ sản phẩm bền vững?

- Phải thúc đẩy cải cách, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi: Các DN Việt Nam nói chung, của tỉnh Quảng Nam nói riêng đang bị thụ lùi bởi chính môi trường kinh doanh không thuận lợi, mình bạch tạo ra. Vấn đề đặt ra cho tỉnh Quảng Nam là phải thúc đẩy nhanh cải cách, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn nữa cho DNNVV phát triển.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích thực trạng, thấy được những khó khăn và đặt ra những vấn đề cho tỉnh Quảng Nam và các DNNVV. Tuy nhiên, để các DNNVV của tỉnh Quảng Nam phát triển, cần thiết phải có sự thay đổi mạnh mẽ không chỉ từ phía chính quyền tỉnh Quảng Nam, mà còn đòi hỏi có sự thay đổi cơ bản từ chính các hoạt động của các DNNVV trong tỉnh. Có như vậy mới nâng cao được năng lực cạnh tranh để phát triển mạnh mẽ trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Cho nên, việc nhà nước cần chú ý và đẩy đủ các vấn đề đặt ra sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các giải pháp tốt nhất để phát triển các DNNVV góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Nam trong những năm tiếp theo ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam (2015), *DN Quảng Nam thực trạng và giải pháp*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
2. Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam. *Niên giám thông kê các năm 2011, 2012, 2013 2014, 2015, 2016*, Quảng Nam.
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Nam (2017), *Báo cáo số 321/BC-SKHDT ngày 16 tháng 6 năm 2017 về Tình hình, giải pháp khởi sự DN theo Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ*.

4. UBND tỉnh Quảng Nam (2015), Báo cáo số 69/BC-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2015 về Tình hình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2015.

Ngày nhận bài: 2/5/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 12/5/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 22/5/2019

Thông tin tác giả:

NCS. ThS. **VÕ THIÊN CHÍN**

Giảng viên Khoa Quản trị nhân lực và xã hội,

Phân hiệu Trường Đại học Nội vụ Hà Nội tại tỉnh Quảng Nam

ACTUAL DEVELOPMENT STATE OF SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES IN QUANG NAM PROVINCE AND RELATED PROBLEMS

● Ph.D's Student, Master. **VO THIEN CHIN**

Lecturer, Faculty of Human Resource and Society,

Hanoi University of Home Affairs

- Quang Nam Province Campus

ABSTRACT:

This study analyses the actual development state, scale, production and consumption links of small and medium-sized enterprises (SMEs) in Quang Nam province. This study also analyses some related issues, such as creating a favorable business environment, participating in an important part of the global production chain, solving capital and human resources problems, innovating technology and searching for new markets as foundation for making solutions.

Keywords: Quang Nam province, actual development state, small and medium-sized enterprises.